

THÔNG TƯ

CỦA BỘ THƯƠNG MẠI SỐ 10/2006/TT-BTM NGÀY 1 THÁNG 6 NĂM 2006

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ SỐ 08/2006/TT-BTM VỀ VIỆC HƯỚNG DẪN CÁCH XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CÓ XUẤT XỨ KHÔNG THUẦN TUYẾT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 19/2006/NĐ-CP NGÀY 20 THÁNG 2 NĂM 2006 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT THƯƠNG MẠI VỀ XUẤT XỨ HÀNG HOÁ

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2004 của chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hoá.

Bộ Thương mại sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Thông tư số 8/2006/TT-BTM ngày 17 tháng 4 năm 2006 về việc hướng dẫn cách xác định xuất xứ đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có xuất xứ không thuần túy như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, phần II của Thông tư số 08/2006/TT-BTM như sau:

"a. Ban hành Phụ lục sửa đổi, bổ sung cho Phụ lục quy định tại Thông tư số 08/2006/TT-BTM. Những hàng hoá không có trong Phụ lục của Thông tư này nhưng có trong Phụ lục của Thông tư số 08/2006/TT-BTM sẽ vẫn tiếp tục áp dụng theo Thông tư số 08/2006/TT-BTM;

b. Hàng hoá sản xuất ra không thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2006/TT-BTM và Thông tư này thì áp dụng tiêu chí "Chuyển đổi mã số hàng hoá". Trường hợp hàng hoá sản xuất ra có mã số HS trùng với mã số HS của nguyên liệu không có xuất xứ thì hàng hoá vẫn được công nhận có xuất xứ của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi thực hiện quy trình sản xuất cuối cùng làm thay đổi cơ bản hàng hoá này với điều kiện là tỉ lệ giữa phần giá trị nguyên liệu không có xuất xứ (tính theo giá ghi trên hợp đồng nhập khẩu) bị trùng mã số HS nói trên và giá trị hàng hoá xuất khẩu (tính theo giá FOB) không vượt quá 15% (mười lăm phần trăm)".

2. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Phan Thế Ruệ

Phụ lục
DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Thông tư số 10/2006/TT-BTM ngày 01 tháng 06 năm 2006 của Bộ Thương mại)

Mã số HS	Mô tả hàng hoá	Tiêu chí chuyển đổi cơ bản
15..	Chương 15 - Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; mỡ ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật	
1515..	Mỡ và dầu thực vật xác định khác (kể cả dầu Jojoba) và các phần phân đoạn của chúng đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học	Chuyển từ dầu thực vật thô hoặc các phân đoạn của dầu chưa tinh chế sang dầu tinh chế; hoặc trải qua quá trình trung hoà, tẩy màu, khử mùi.
39..	Chương 39 - Plastic và các sản phẩm bằng plastic	
3902..	Polyme từ propylen hoặc từ các olefin khác, dạng nguyên sinh	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác
3917..	Các loại ống, ống dẫn, ống vôi và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng bằng plastic (ví dụ các đoạn nối, khuỷu, vành đệm)	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác
3918	Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã xác định trong chú giải 9 của chương này.	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc trải qua quy trình cắt gọt, gia công thành hình
3919..	Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các loại tấm phẳng khác tự dính, làm bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc trải qua quy trình cắt gọt, gia công thành hình
3920..	Tấm, phiến, màng, lá, dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị;

	lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác	hoặc trải qua quy trình cắt gọt, gia công thành hình
3921..	Tấm, phiến, màng, lá, dải khác, bằng plastic	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc trải qua quy trình cắt gọt, gia công thành hình
3922..	Bồn tắm, bồn tắm vòi sen, bồn rửa, chậu rửa, bệ rửa, bệ và nắp xí bệt, bình xối nước và các thiết bị vệ sinh tương tự, bằng plastic	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác
3923..	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hoá, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác bằng plastic	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc trải qua quy trình cắt gọt, gia công thành hình
3924..	Bộ đồ ăn, bộ đồ dùng nhà bếp, các sản phẩm gia dụng và các sản phẩm phục vụ vệ sinh khác, bằng plastic	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc thực hiện các công đoạn ghép nối có sử dụng các vật liệu kết nối như chỉ hoặc keo hoặc các vật liệu khác để kết nối các bán thành phẩm thành sản phẩm cuối cùng.
3925..	Đồ vật bằng plastic dùng trong xây lắp chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc thực hiện các công đoạn ghép nối có sử dụng các vật liệu kết nối như chỉ hoặc keo hoặc các vật liệu khác để kết nối các bán thành phẩm thành sản phẩm cuối cùng.
3926	Sản phẩm khác bằng plastic và các sản phẩm bằng các vật liệu khác của các nhóm từ 39.01 đến 39.14	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc thực hiện các công đoạn ghép nối có sử

		dụng các vật liệu kết nối như chỉ hoặc keo hoặc các vật liệu khác để kết nối các bán thành phẩm thành sản phẩm cuối cùng.
61..	Chương 61 - Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc	
6101..	áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car - coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.03	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6102..	áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car - coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ nam giới hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.04	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6103..	Bộ Com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn, và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6104..	Bộ Com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, áo váy dài, váy, quần váy, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6105..	áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6106..	áo khoác ngắn (blouses) áo sơ mi và áo sơ mi phong kiểu nam dùng cho phụ nữ hoặc	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để

	trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6115..	Quần tất, quần áo nịt, bít tất dài (trên đầu gối) bít tất ngắn và các loại hàng bít tất dệt kim khác, kể cả nịt chân dùng cho người giãn tĩnh mạch, giày dép không đế, dệt kim hoặc móc	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
62..	Chương 62 - Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	
6201	áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe, áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6202..	áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe, áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ các loại thuộc nhóm 62.04	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6203..	Bộ Com - lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai.	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6204..	Bộ Com - lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, áo váy dài, váy, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6205..	áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.

6206..	áo choàng dài, áo sơ mi và áo choàng ngắn dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6209..	Quần áo may sẵn và đồ phụ kiện hàng may cho trẻ em	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6210..	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
6211..	Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và quần áo bơi; quần áo khác	May hoặc kết nối có sử dụng vật liệu kết nối để tạo thành sản phẩm từ các phụ kiện, bán thành phẩm; hoặc chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác.
73..	Chương 73- Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	
7325..	Các sản phẩm đúc khác bằng sắt hoặc thép	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị
84..	Chương 84 - Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và trang thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng.	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc được lắp ráp từ các linh kiện, bán thành phẩm theo một dây chuyền công nghiệp
85..	Chương 85 - Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và sao âm thanh, máy ghi và sao hình ảnh truyền hình và âm thanh; bộ phận và các phụ tùng của các loại máy trên	Đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị; hoặc được lắp ráp từ các linh kiện, bán thành phẩm theo một dây chuyền công nghiệp

90..	Chương 90 - Dụng cụ, thiết bị và máy quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ tùng của chúng.	
9003..	Khung và gọng kính đeo, kính bảo hộ hoặc các loại tương tự và các bộ phận của chúng	Chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác; hoặc đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị
9004..	Kính đeo, kính bảo hộ hoặc các loại tương tự để điều chỉnh, bảo vệ mắt hoặc loại khác	Chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác; hoặc đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị
94..	Chương 94 - Đồ nội thất (giường, tủ, bàn, ghế...); bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nhồi tương tự; đèn và bộ đèn chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biểu hiện được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; các cấu kiện nhà lắp ghép.	
9403..	Đồ nội thất khác và các bộ phận của chúng	Chuyển từ bất kỳ nhóm nào khác; hoặc đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị
96	Chương 96-Các mặt hàng khác	
9609..	Bút chì (trừ các loại thuộc nhóm 96.08) bút màu, ruột chì, phấn màu, than vẽ, phấn vẽ hoặc viết và phần thợ may)	Tạo rãnh, lắp ruột chì và dán công nghiệp; hoặc gia công thành hình; hoặc đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị
9613..	Bật lửa châm thuốc lá và các bật lửa khác, có hoặc không dùng cơ hoặc điện và các bộ phận của chúng, trừ đá lửa và bắc.	Chế tạo được vỏ và lắp ráp cùng với các linh kiện, nguyên liệu khác; hoặc đáp ứng tiêu chí tỉ lệ phần trăm của giá trị.